

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HCPT

Ngày 07/12/2017

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực đất
đai và yêu cầu bồi thường về
đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh;

Các Thẩm phán: - Ông Nguyễn Văn Nhiên;

- Ông Ong Thân Thắng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Ngọc Anh- Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:***
Ông Hoàng Đức Trình- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 04/2017/TLPT-HC ngày 03 tháng 10 năm 2017 về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai và yêu cầu bồi thường về đất. Do bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2016/ HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2017/QĐ-PT ngày 19/10/2017, quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2017/QĐ-PT ngày 07/11/2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Vi Văn S, sinh năm 1963 (có mặt);

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Ông Nguyễn Hữu S, bà Nguyễn Thị H (vắng mặt); ông Nguyễn Anh T – Luật sư Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Đ, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội, có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Đức T - Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND huyện L đại diện theo ủy quyền, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Nguyễn Duy Q, chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L và ông Vũ Công Đ, chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án hành chính sơ thẩm số: 02/ 2016/ HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang thì nội dung vụ án như sau:

* Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai người khởi kiện ông Vi Văn S trình bày: Theo sổ hộ khẩu gia đình thì từ trước đến nay ông là chủ hộ, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng hộ ông Vi Văn S đối với diện tích 966m² đất, trong đó có 400m² đất ở và 566m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 11/12/2000. Nguồn gốc diện tích đất trên là do bố mẹ ông để lại riêng cho ông sử dụng. Quá trình sử dụng, gia đình ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.

Trong quá trình sử dụng, ông có trao đổi với ông Phan Văn B hộ liền kề. Cụ thể ông Phan Văn B sử dụng 1,3m đất chiều rộng phía mặt đường 293, chiều dài 24m. Còn ông sử dụng phần tiếp giáp với nhà ông và nhà ông T chiều rộng 9,5m phía trong thửa đất, chiều dài 28m. Việc giao dịch trên giữa các bên không làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền mà chỉ làm văn bản viết tay có sự chứng kiến của đại diện thôn và người làm chứng.

Đến năm 2013, vợ chồng ông có chuyển nhượng cho bà Nguyễn Thị B 90m². Việc giao dịch trên các bên có làm thủ tục tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đến nay các bên không có vướng mắc gì.

Gia đình ông có nhận được Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất đối với gia đình ông và Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L vì liên quan đến diện tích gia đình ông bị thu hồi phía mặt đường tỉnh lộ 293 là 278,5m² đất ở tại tờ bản đồ số 16, số thửa 3 thuộc thôn B, xã N, huyện L đã

được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 11/12/2000.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất đối với gia đình ông;

- Hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình cải tạo, nâng cấp DT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L;

- Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất của 11 hộ gia đình tại thôn B1 B2, xã N, huyện L. Ông không thắc mắc gì về tài sản trên đất đã được bồi thường mà chỉ yêu cầu bồi thường đối với diện tích 278,5m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

* Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang, do ông Nguyễn Đức T – Chức vụ: Phó Chủ tịch đại diện theo ủy quyền trình bày, UBND huyện đã ban hành:

- Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ ông Vi Văn S thôn B2, xã N, huyện L và hủy một phần: Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình Cải tạo, nâng cấp DT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L và tính hợp pháp của Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất của 11 hộ gia đình tại thôn B1, B2, xã N, huyện L vì mục đích phát triển kinh tế đất nước. Do vậy, trước, trong và sau khi ban hành các quyết định trên, UBND huyện L đã triển khai, tiến hành đúng trình tự, thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật. Vì trước khi ban hành các quyết định nêu trên, UBND huyện L đã tiến hành triển khai tổ chức thực hiện thông báo thu hồi đất ; Họp triển khai công tác bồi thường GPMB DT293 tại UBND xã N ; Họp phổ biến chế độ chính sách khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ có đất , tài sản trên đất bị thu hồi tại thôn B; Tổ chức cho hộ gia đình , cá nhân tự kê khai ; Tiến hành kiểm kê hiện trạng về đất, tài sản hoa màu trên đất của hộ gia đình ; Lập phương án dự kiến về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và công khai lấy ý kiến nhân dân về phương án tại nhà văn hóa thôn , UBND xã; Kết thúc công khai tiến hành giải quyết các nội dung kiến nghị của nhân dân theo đơn , tiếp thu các kiến nghị đúng , hợp lý và điều chỉnh phương án trình Hội đồng GPMB huyện thẩm định hồ sơ thu hồi

đất, phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư; Trình UBND huyện quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo đúng quy định của pháp luật.

Về yêu cầu bồi thường đối với diện tích đất 278,5m² theo giá đất ở có trị giá là 278.500.000đ theo đơn khởi kiện của ông Si do bị thu hồi nhưng không được bồi thường là vì diện tích đất này thuộc hành lang giao thông tỉnh lộ 293 đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy hoạch từ năm 1982 theo Nghị định số 203/NĐ-HĐBT ngày 21/12/1982 của Hội đồng bộ trưởng. Đến năm 1983 UBND tỉnh Hà Bắc đã ban hành Chỉ thị số 13 về việc thực hiện Nghị định trên đối quốc lộ, tỉnh lộ trên địa bàn tỉnh, trong đó có tỉnh lộ 293. Đến năm 1995, cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt đầu tiến hành cấm mốc lộ giới con đường 293. Việc thực hiện này do Công ty quản lý đường bộ thuộc Sở giao thông Bắc Giang thực hiện. Trên cơ sở đó UBND huyện đã yêu cầu UBND các xã thông báo đến các hộ gia đình trên phương tiện thông tin để các cá nhân, tổ chức và các hộ gia đình nắm được.

Đối chiếu với các quy định nêu trên, hộ gia đình ông Vi Văn S, tại số thửa 3 tờ bản đồ trích đo hiện trạng phục vụ GPMB số 16, có tổng diện tích trích đo GPMB là 1.219,5m² (không đo hết thửa) phần diện tích thực hiện dự án là 278,5m² nằm hoàn toàn trong hành lang an toàn giao thông đường bộ, không đủ điều kiện được bồi thường (không nằm trong GCNQSD đất đã cấp hợp pháp).

Là người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang trong vụ án quan điểm của ông là không đồng ý với ý kiến và yêu cầu của người khởi kiện của ông Vi Văn S đã đưa ra, đề nghị Tòa án giải quyết bác toàn bộ yêu cầu của người khởi kiện. Vì lý do công việc đơn vị bận, ông xin được vắng mặt tại các phiên đối thoại và phiên tòa xét xử vụ án.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện Luật sư Nguyễn Anh T cho rằng: Diện tích 966m² đất, trong đó có 400m² đất ở và 566m² đất vườn đã được UBND huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu ngày 11/12/2000 có nguồn gốc là của bố mẹ ông S để lại cho riêng ông S sử dụng nên đây là tài sản của riêng ông S không liên quan gì đến vợ và các con ông S hay thành viên nào khác, vì vậy việc ông S đề nghị Tòa án không đưa bà T là vợ ông S hay các thành viên khác vào tham gia tố tụng trong vụ án và việc bà T từ chối tham gia tố tụng nên Tòa án không đưa họ vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật. Kể từ khi được giao quyền sử dụng đất, ông S sử dụng ổn định, không có tranh chấp và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính với nhà nước. Do vậy, việc UBND huyện L ban hành Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 về việc thu hồi để cấp lại

giấy chứng nhận QSD đất đối với hộ ông Vi Văn S và Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình Cải tạo, nâng cấp ĐT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện L là không đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét: Căn cứ Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 của Chính phủ; khoản 4 Điều 4, Điều 14, Điều 46 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và Điều 14 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ, xử hủy Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013; hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 và hủy một phần Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện L có liên quan đến ông Vi Văn S và buộc Ủy ban nhân dân huyện L phải bồi thường cho ông Si đối với diện tích 278,5m² đất ở theo quy định của pháp luật.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số: 02/ 2016/ HC-ST ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện L đã:

Áp dụng Điều: 27, 28, 29, 131, 163, 164, 174 và 176 Luật tổ tụng Hành chính 2010; Điều 157, 158, 164, 193, 194, 204, 205 và Điều 206 Luật tổ tụng Hành chính 2015.

Áp dụng: Điều 43 và 44 Đất đai năm 2003 được sửa đổi bổ sung năm 2009; Điều 8 Nghị định số 197/2004/NĐ-CP ngày 03/12/2004 và khoản 1, 2 Điều 14, Điều 30, Điều 31 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn S về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014, về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất đối với 11 hộ gia đình thôn B 1, B 2, xã N, huyện L và Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình Cải tạo, nâng cấp ĐT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L là trái quy định của pháp luật.

Bác yêu cầu của ông Vi Văn S về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 278,5m² đất ở.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

-Ngày 28/7/2017 ông Vi Văn S nộp đơn kháng cáo và ngày 31/7/2017 ông Si nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Nội dung kháng cáo: Không đồng ý bản án của Tòa án nhân dân huyện L, đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện L hủy một phần Quyết định 1213/UBND ngày 12/11/2012 và Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 và bồi thường cho gia đình người khởi kiện.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện không rút yêu cầu khởi kiện, không rút yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thống nhất được việc giải quyết vụ án.

- Ông Vi Văn S trình bày: Ông Si giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo.

Về nguồn gốc đất: Gia đình ông tự khai phá từ trước năm 1993, đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi bị thu hồi. Các quyết định của UBND huyện L ban hành là trái pháp luật. Đề nghị UBND huyện L bồi thường cho gia đình ông khi thu hồi đất, sửa quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L.

- Luật sư Nguyễn Anh T trình bày: UBND huyện L ban hành các quyết định hành chính là trái pháp luật. Căn cứ vào nguồn gốc đất, ông S đủ điều kiện được bồi thường về đất.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của luật tổ tụng hành chính tại phiên tòa phúc thẩm. Các đương sự thực hiện đúng quy định của Luật tổ tụng hành chính. Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, nghe thẩm vấn và tranh luận tại phiên tòa xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tổ tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 141 của Luật tổ tụng hành chính, xử: Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Xét kháng cáo của ông Vi Văn S là người khởi kiện là phù hợp với qui định tại Điều 204 và Điều 206 của Luật tổ tụng hành chính nên chấp nhận để xem xét.

Vi Văn S kháng cáo đề nghị Tòa án: Hủy bản án sơ thẩm số 02/2017/HC-ST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L để chấp nhận yêu cầu khởi kiện, buộc UBND huyện L hủy một phần Quyết định 1213/UBND ngày 12/11/2012 và Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 và bồi thường cho gia đình người khởi kiện.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tại đơn khởi kiện ông Vi Văn S yêu cầu:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất đối với gia đình ông;

- Hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L về việc phê duyệt phương án bồi thường GPMB Công trình cải tạo, nâng cấp ĐT293 (đợt 2) địa phận xã N, huyện L;

- Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 của UBND huyện L về việc thu hồi để cấp lại giấy chứng nhận QSD đất của 11 hộ gia đình tại thôn B1, B2, xã N, huyện L.

- Yêu cầu bồi thường đối với diện tích 278,5m² đất ở thuộc phía mặt đường tỉnh lộ 293 bị thu hồi theo Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012 của UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Theo các tài liệu do các đương sự cung cấp thể hiện:

- Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 người ban hành Quyết định là Chủ tịch UBND huyện L. Do đó cần xác định người bị kiện trong vụ án là Chủ tịch UBND huyện L.

- Ngày 19/11/2013, 26/3/2014 và 05/5/2014 Ông Si nộp đơn khởi kiện xác định người bị kiện là UBND huyện L;

- Ngày 15/5/2014 ông Si nộp đơn khởi kiện xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện L.

Ông S không có văn bản rút yêu cầu khởi kiện đối với Chủ tịch UBND huyện L, Tòa án cũng không hướng dẫn ông S bổ sung cụ thể đối với yêu cầu kiện Chủ tịch UBND huyện L, mà chỉ xác định người bị kiện là UBND huyện L, không xác định người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện L là không đúng theo qui định tại khoản 9 Điều 3 của Luật tổ tụng hành chính và không đúng với đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2014 của ông S.

[2]. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 8) cấp ngày 11/12/2000 thể hiện cấp cho hộ ông Vi Văn S. Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để xác định hộ ông Vi Văn S ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm những ai trong hộ gia đình.

Tại sổ hộ khẩu (BL51) thể hiện hộ ông Si gồm:

Ông Vi Văn S-Chủ hộ;

Bà Trần Thị T-Vợ chủ hộ;

Cụ Vi Văn H-Bổ để ông S, ông S khai cụ H chết năm 2015;

Con chủ hộ là:

Vi Thị V, sinh năm 1991;

Vi Thị V, sinh năm 1993;

Vi Thị H, sinh năm 1995.

Ông S khai nguồn gốc đất là của bố mẹ ông S cho, bà T không liên quan gì.

Bà T từ chối tham gia tố tụng.

Do các Quyết định hành chính đều ghi “Hộ ông Vi Văn S”. Mặc dù bà Tươi từ chối tham gia tố tụng, nhưng để giải quyết triệt để vụ án, tránh xảy ra việc bà T khởi kiện vụ án khác, cần đưa bà T vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và xác định ai là những người có quyền sử dụng đất để đưa họ vào tham gia tố tụng.

[3]. Không thu thập đầy đủ tài liệu chứng cứ: Ông S yêu cầu:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013;
- Hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012;
- Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014.

Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập các tài liệu chứng cứ về trình tự, thủ tục để ban hành Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 và Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014 mà nhận định về trình tự, thủ tục ban hành các quyết định hành chính trên là đúng qui định là không có căn cứ vững chắc.

[4]. Không xem xét hết quyết định có liên quan: Trong vụ án có các quyết định hành chính có liên quan gồm:

- Tại Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 thể hiện nội dung: “Điều 1. Thu hồi để cấp lại giấy CNQSD đất đã cấp năm 2000 của hộ ông Vi Văn S ...theo Quyết định số: 651/QĐ/UB (H) ngày 11/12/2000, của UBND huyện L”.

Quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông Vi Văn S là: Quyết định số: 651/QĐ/UB (H) ngày 11/12/2000, của UBND huyện L. Tòa án cần xem xét tính hợp pháp của Quyết định này. Việc Tòa án không xem xét giải quyết là không giải quyết hết vụ án theo qui định tại khoản 1 Điều 193 của Luật Tổ tụng hành chính.

[5]. Không tuyên hết yêu cầu của ông S:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013,
- Hủy một phần Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012
- Hủy Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014;
- Yêu cầu bồi thường đối với diện tích 278,5m² đất.

Nhưng tại phần Quyết định của bản án tuyên:

“Bác yêu cầu khởi kiện của ông Vi Văn S về việc đề nghị hủy một phần Quyết định số 1054/QĐ-UBND ngày 30/6/2014.... và Quyết định số 1213/QĐ-UBND ngày 12/11/2012....

Bác yêu cầu của ông Vi Văn S về việc yêu cầu UBND huyện L, tỉnh Bắc Giang bồi thường đối với diện tích bị thu hồi 278,5m² đất ở”.

Bản án không tuyên Quyết định số 3238/QĐ-UBND ngày 16/12/2013 là không giải quyết hết yêu cầu khởi kiện của ông S.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định tạm đình chỉ vụ án, nhiều lần mở phiên tòa và hoãn phiên tòa không đảm bảo căn cứ, cần rút kinh nghiệm.

Ngày 19/12/2014 Tòa án tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ (BL 105), bà Trần Thị T có hành vi cản trở việc thẩm định, đo đạc, Tòa án đã không tiến hành lập biên bản về hành vi này, nếu có căn cứ thì giải quyết theo qui định tại khoản 7 Điều 318 của Luật TTHC mà không cho xem xét thẩm định tại chỗ tại là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm.

Những vi phạm trên, Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do đó cần hủy bản án sơ thẩm, giao cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm lại vụ án theo thủ tục chung.

- Về án phí: Ông Vi Văn S không phải chịu án phí HCPT, trả lại ông S tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Ông S chưa phải chịu án phí HCST.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào khoản 3 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Vi Văn S.
2. Huỷ bản án hành chính sơ thẩm số: 02/2017/HCST ngày 28/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang đã giải quyết giữa người khởi kiện: Ông Vi Văn S và người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện L.
3. Giao toàn bộ hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết lại vụ án theo qui định của pháp luật.
4. Về án phí: Ông Vi Văn S chưa phải chịu tiền án phí hành chính sơ thẩm.
Trả lại ông Vi Văn S 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo các biên lai thu số: AA/2017/0002614 ngày 31/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TA, VKS cấp sơ thẩm;
- Đương sự; Luật sư;
- Chi cục T.H.A dân sự H L;
- Lưu HS, TT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Dương Thế Vinh

